

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 05 – 8 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị K, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị P, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị K trình bày:*

Bà và bà P bắt đầu mua bán rau củ từ năm 2018 đến ngày 01/4/2020 là hai bên nghĩ mua bán với nhau, do bà P thiếu tiền bà nhiều quá mà chưa thanh toán nên bà không bán nữa. Bà và bà P chốt nợ với nhau thì bà P còn nợ bà tổng số tiền là 19.600.000 đồng, bà và bà P thỏa thuận mỗi ngày bà P trả cho bà 20.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khi chốt nợ bà P có ghi vào sổ tay của bà và bà P có gửi trước cho bà 02 ngày số tiền 40.000 đồng thì bà P mới ghi nội dung “P 19600, gởi 40,

ngày 01-4” nghĩa là bà P nợ bà là 19.600.000 đồng, gửi cho bà được 02 ngày với số tiền là 40.000 đồng, chữ viết trong sổ tay của bà là do bà P tự viết. Như vậy trừ 40.000 đồng bà P đã gửi thì bà P còn nợ bà số tiền 19.560.000 đồng. Bà đã đến yêu cầu nhưng bà P hứa hẹn nhiều lần mà không trả.

Tại đơn khởi kiện do bà quên đối trừ số tiền bà P đã góp cho bà là 40.000 đồng nên bà mới yêu cầu bà P trả 19.600.000 đồng. Tại phiên tòa, bà rút yêu cầu bà P trả số tiền 40.000 đồng do bà P đã trả rồi. Nay bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị P phải trả cho bà số tiền mua bán còn nợ là 19.560.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Lý Thị P đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Toà án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho K số tiền mua bán còn nợ là 19.560.000 đồng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của bà K đối với số tiền 40.000 đồng. Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà K khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền mua bán còn nợ, bà P đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà P là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Bà K xác định có mua bán rau củ với bà P, đến ngày 01/4/2020 bà K và bà P có tính toán tiền thì bà P còn nợ bà K số tiền là 19.600.000 đồng. Căn cứ theo hồ sơ hoà giải của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh chuyển đến thì tại biên bản ghi lời khai ngày 23/3/2021 (bút lục 17) bà P thừa nhận có mua bán với bà K và hiện vẫn còn nợ tiền bà K nhưng cụ thể bao nhiêu tiền thì không rõ. Quá trình giải quyết tại địa phương, bà P đã biết bà K yêu cầu bà P trả số tiền 19.600.000 đồng nhưng mời nhiều lần mà bà P không đến tham gia hòa giải. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bà P nhiều lần nhưng bà P không đồng ý nhận và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà K. Tòa án cũng đã đến làm việc trực tiếp với bà P nhưng bà P không hợp tác. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết,

sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Từ đó cho thấy, việc bà P có mua bán với bà K và hiện vẫn còn nợ tiền bà K là thực tế có xảy ra. Do đó, bà K khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền là có căn cứ.

[4] Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 23/3/2021, bà P xác định có mua bán với bà K và có nợ tiền bà K, nhưng cho rằng số tiền bà K yêu cầu 19.600.000 đồng là không đúng. Bà P thừa nhận có nợ tiền bà K và có góp hàng ngày nhưng không xác định góp được bao nhiêu và hiện còn nợ bà K bao nhiêu tiền. Bà K xác định bà P nợ tiền bà K số tiền 19.600.000 đồng và có góp được hai ngày với số tiền 40.000 đồng, hiện còn nợ lại là 19.560.000 đồng. Bà P thừa nhận hiện vẫn còn nợ bà K nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc góp tiền cho bà K nhiều hơn số tiền bà K trình bày nên Tòa án chấp nhận theo lời trình bày của bà K vì nó phù hợp lời khai của bà P.

[5] Tại phiên tòa, bà K rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền mua bán còn nợ là 40.000 đồng do bà P đã trả rồi. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của bà K là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu bà P trả số tiền mua bán còn nợ là 40.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đối với bà P. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền mua bán còn nợ là 19.560.000 đồng. Do bà K không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 978.000 đồng. Bà K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị K đối với bà Lý Thị P. Buộc bà Lý Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị K số tiền mua bán còn nợ là 19.560.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị K yêu cầu bà Lý Thị P trả số tiền mua bán còn nợ là 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Bà Lý Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 978.000 đồng. Bà Ngô Thị K không phải chịu án phí. Bà K đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 490.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005038 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly